Giới thiệu Nghị định số 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước



Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Nghị định số 70/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Trong đó, quy định một số nội dung đáng lưu ý như sau:

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam; người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (sau đây gọi là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch); cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Xác lập, hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam (Điều 11)

1. Mỗi công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất, không trùng lặp với người khác.

2. Xác lập số định danh cá nhân đối với công dân đăng ký khai sinh

Cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử có trách nhiệm chuyển các thông tin của người được đăng ký khai sinh cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu; trong đó phải thu thập các thông tin sau đây để xác lập số định danh cá nhân:

a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Giới tính;

d) Nơi đăng ký khai sinh;

đ) Nơi sinh;

e) Quê quán;

g) Dân tộc;

h) Quốc tịch;

i) Họ, chữ đệm và tên, quốc tịch của cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp (nếu có); trừ trường hợp chưa xác định được cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp.

3. Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp nhận thông tin đăng ký khai sinh từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tự động kiểm tra và xác lập số định danh cá nhân và chuyển ngay số định danh cá nhân cho cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch. Trường hợp xảy ra sai sót thông tin do Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cung cấp, việc điều chỉnh thông tin được thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

4. Xác lập số định danh cá nhân đối với công dân đã đăng ký khai sinh

a) Công dân đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân thì Công an cấp xã nơi công dân cư trú có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này. Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thực hiện xác lập số định danh cá nhân cho công dân theo thông tin được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Đối với trường hợp công dân đã đăng ký khai sinh hiện đang định cư ở nước ngoài và chưa được xác lập số định danh cá nhân thì cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an phối hợp với Bộ Ngoại giao và cơ quan có liên quan thực hiện việc thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và xác lập số định danh cá nhân cho công dân;

Việc thu thập thông tin của công dân Việt Nam đang định cư ở nước ngoài do cơ quan quản lý căn cước thực hiện bằng Phiếu thu thập thông tin dân cư thông qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi Phiếu thu thập thông tin dân cư của công dân có yêu cầu thu thập, cập nhật thông tin cho cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Ngay sau khi xác lập được số định danh cá nhân cho công dân, cơ quan quản lý căn cước có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập và các thông tin của công dân hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

5. Trường hợp người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp có trách nhiệm chuyển thông tin về việc nhập quốc tịch Việt Nam, thông tin của người đó quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và xác lập số định danh cá nhân cho công dân.

6. Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam, cho thôi quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam mà được cơ quan có thẩm quyền cho trở lại quốc tịch Việt Nam thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm xác lập, cấp lại số định danh cá nhân đã cấp.

7. Các trường hợp hủy, xác lập lại số định danh cá nhân

a) Được xác định lại giới tính, cải chính hộ tịch do có sai sót về năm sinh theo quy định pháp luật về đăng ký hộ tịch và pháp luật khác có liên quan;

b) Có sai sót về thông tin nơi đăng ký khai sinh, năm sinh, giới tính của công dân khi thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Cơ quan quản lý căn cước phát hiện, xử lý đối với hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả, cung cấp thông tin, tài liệu giả để được thu thập, cập nhật thông tin dân cư, cấp chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước;

d) Cơ quan đăng ký hộ tịch thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh cấp trái quy định của pháp luật.

8. Việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này được thực hiện theo nhu cầu của công dân. Trường hợp công dân không có nhu cầu hủy, xác lập lại số định danh cá nhân thì tiếp tục sử dụng số định danh cá nhân đang sử dụng.

9. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra, xác minh và hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 7 Điều này.

Trường hợp công dân yêu cầu hủy, xác lập lại số định danh cá nhân theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này thì kê khai và nộp Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại Công an cấp xã nơi cư trú.

10. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hủy, xác lập lại số định danh cá nhân của công dân quy định tại khoản 8 Điều này, Công an cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính chính xác của hồ sơ và gửi đề nghị hủy, xác lập lại số định danh của công dân tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

11. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hủy, xác lập lại số định danh cá nhân của Công an cấp xã, cơ quan quản lý căn cước, Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an quyết định việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân. Sau khi đã hủy, xác lập lại số định danh cá nhân của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an cấp xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho công dân. Số định danh cá nhân đã bị hủy được lưu vào thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và không được sử dụng để cấp cho người khác.

- Thủ tục khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 18)

1. Khai thác bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước gửi cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp huyện hoặc cấp tỉnh nơi công dân cư trú;

b) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần khai thác trong Cơ sở dữ liệu căn cước và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được khai thác; đối với trường hợp khai thác thông tin theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định này phải thể hiện rõ ý kiến đồng ý của chủ thể thông tin cần khai thác;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp huyện, cấp tỉnh chuyển yêu cầu cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an xem xét, phê duyệt đề nghị yêu cầu cho phép khai thác thông tin;

đ) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an phê duyệt, cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp huyện, cấp tỉnh cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

e) Trường hợp không đồng ý cung cấp thông tin thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Công dân đã được cấp căn cước điện tử đăng nhập vào Ứng dụng định danh quốc gia để gửi yêu cầu khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

4. Trường hợp người đại diện hợp pháp của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích hoặc người thừa kế của người đã chết khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước thì phải có Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh là người đại diện hợp pháp, người thừa kế của công dân, trừ trường hợp thông tin chứng minh về người đại diện, người thừa kế đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (Điều 21)

1. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước

a) Công dân đến cơ quan quản lý căn cước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Căn cước đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi;

b) Trường hợp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa có hoặc có sai sót thì người tiếp nhận thực hiện việc điều chỉnh thông tin theo quy định tại Điều 6 Nghị định này trước khi đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước;

c) Trường hợp thông tin của công dân chính xác, người tiếp nhận đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước trích xuất thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, sau khi xác định thông tin người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là chính xác thì thực hiện trình tự thủ tục cấp thẻ căn cước theo quy định tại Điều 23 Luật Căn cước.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia

a) Công dân lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian và cơ quan quản lý căn cước để thực hiện thủ tục, hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước;

Công dân đến cơ quan quản lý căn cước theo thời gian, địa điểm đã đăng ký để thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì lựa chọn thủ tục cấp lại, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp lại thẻ căn cước theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Căn cước;

c) Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

3. Trường hợp cấp đổi thẻ căn cước công dân sang thẻ căn cước hoặc cấp đổi thẻ căn cước thì người tiếp nhận có trách nhiệm thu lại Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước đang sử dụng.

4. Trường hợp công dân không đến nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo thời gian, địa điểm đã đăng ký hẹn làm việc với cơ quan quản lý căn cước để thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước thì hệ thống tiếp nhận yêu cầu của công dân sẽ tự động hủy lịch hẹn công dân đã đăng ký khi hết ngày làm việc. Nếu công dân tiếp tục có nhu cầu cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước thì đăng ký hẹn lại.

5. Cơ quan quản lý căn cước tổ chức lưu động việc tiếp nhận yêu cầu cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước cho công dân Việt Nam ở trong nước và công dân Việt Nam ở nước ngoài trong điều kiện, khả năng của mình; bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Căn cước, điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên.